

Bản án số: 13/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 27- 6 - 2024

V/v “Ly hôn, tranh chấp

về nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC HÀ, TỈNH LÀO CAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thu Hương

**Các Hội thẩm nhân dân:**

1. Bà Vũ Thị Thoa

2. Bà Trần Thị Xuân

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Thị Bích Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Hoàng Dương- Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 33/2024/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2024/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị Đỗ Ngọc Quỳnh T, năm sinh 1986

Địa chỉ: Tổ dân phố N, thị trấn B, huyện B1, tỉnh Lào Cai - Vắng mặt

2. **Bị đơn:** Nguyễn Thành H, năm sinh 1979

Địa chỉ: Tổ dân phố N, thị trấn B, huyện B1, tỉnh Lào Cai - Vắng mặt

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Chị Đỗ Ngọc Quỳnh T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Ngọc Quỳnh T và Nguyễn Thành H tự nguyện kết hôn với nhau vào ngày 14/8/2009, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn B, huyện B1, tỉnh Lào Cai. Thời gian đầu anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống trong cách làm ăn và nuôi dạy con cái, anh H không tu trí làm ăn, chị góp ý nhưng anh H không thay đổi. Từ đó tình cảm vợ chồng rạn nứt, thường cãi chửi nhau, anh H tự ý đi làm, không nói cho chị biết đi làm ở đâu,

chỉ thỉnh thoảng về nhà thăm con rồi lại đi, ít quan tâm đến gia đình. Hiện chị T và anh H đã sống ly thân từ tháng 02 năm 2020 đến nay, không còn quan tâm đến nhau, mâu thuẫn đã được gia đình hai bên khuyên giải nhưng không có kết quả. Nay tình cảm vợ chồng giữa chị và anh H không còn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với Nguyễn Thành H.

- Về nuôi con khi ly hôn: Trong quá trình chung sống Chị Đỗ Ngọc Quỳnh T và Nguyễn Thành H có 02 con chung: Cháu Nguyễn Minh X, sinh ngày 10/12/2009, cháu Nguyễn Minh Y, sinh ngày 04/4/2013, hiện các cháu đang ở cùng chị T. Khi ly hôn chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được nuôi dưỡng cháu X, cháu Y cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện chị làm giáo viên, thu nhập một tháng là 9.900.000 đồng, chị có nhà ở ổn định, đủ điều kiện để nuôi dưỡng con chung.

- Về quan hệ tài sản: Chị Đỗ Ngọc Quỳnh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Đối với bị đơn: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành đúng các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự như: Thực hiện thủ tục niêm yết công khai các văn bản tố tụng, nhưng anh H không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, không có ý kiến về việc chị T khởi kiện ly hôn, nuôi con khi ly hôn và vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, nên Tòa án không tiến hành hòa giải được về quan hệ hôn nhân và nuôi con khi ly hôn giữa chị T và anh H. Tòa án triệu tập họp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ 2 nhưng anh H vắng mặt không có lý do.

Tại Biên bản lấy ý kiến của con chưa thành niên: Cháu Nguyễn Minh X, cháu Nguyễn Minh Y đều có nguyện vọng được ở với chị T

Ý kiến của Viện kiểm sát:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng:

+ Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự pháp luật tố tụng dân sự.

+ Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng theo Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn chưa thực hiện quyền và nghĩa vụ theo qui định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 227; khoản 1,3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về hôn nhân: Giải quyết cho Chị Đỗ Ngọc Quỳnh T được ly hôn với Nguyễn Thành H.

+ Về con chung: Giao Chị Đỗ Ngọc Quỳnh T được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục Cháu Nguyễn Minh X, sinh ngày 10/12/2009, cháu Nguyễn Minh Y,

sinh ngày 04/4/2013 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Nguyễn Thành H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về tài sản: Không đề nghị giải quyết.

+ Về án phí và quyền kháng cáo: Tuyên theo qui định Pháp luật.

Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm pháp luật: Không.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án nguyên đơn đã nhận và chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án niêm yết các văn bản tố tụng từ giai đoạn thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử nhưng vắng mặt không có lý do. Sau khi Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử nguyên đơn có ý kiến đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn Nguyễn Thành H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo đúng quy định tại khoản 1,3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa Chị Đỗ Ngọc Quỳnh T và Nguyễn Thành H là hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian đầu, sau đó phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân là không hòa hợp, bất đồng trong quan điểm sống nên vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn và đã sống ly thân, không quan tâm gì đến nhau. Chị T xác nhận tình cảm vợ chồng giữa chị và anh H không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị ly hôn để mỗi người có cuộc sống riêng.

Đối với Nguyễn Thành H, Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng cho anh H theo đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng anh H vắng mặt không có lý do và không có ý kiến với đề nghị của chị T. Do đó Tòa án không tiến hành hoà giải được. Xác minh tại địa phương nơi anh H cư trú thì anh H thường hay vắng mặt tại địa phương, hiện chị T và anh H không còn chung sống cùng nhau. Hội đồng xét xử xét thấy: Tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H là có căn cứ, phù hợp với khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên cần được chấp nhận. Quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh H chấm dứt kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật.

[3] Về nuôi con khi ly hôn: Trong quá trình chung sống Chị Đỗ Ngọc Quỳnh T và Nguyễn Thành H có 02 con chung là Cháu Nguyễn Minh X, sinh ngày 10/12/2009, cháu Nguyễn Minh Y sinh ngày 04/4/2013, các cháu đều khỏe mạnh và phát triển bình thường, hiện hai cháu đang ở cùng chị T; cháu X, cháu Y đều có ý kiến xin được ở với chị T. Sau khi ly hôn chị Thư đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được nuôi dưỡng cháu X, cháu Y cho đến khi các cháu

đủ 18 tuổi, không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện chị T làm giáo viên, có thu nhập và nhà ở ổn định. Xét về khả năng và điều kiện kinh tế, cũng như căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con, thì chị T có đủ điều kiện nuôi dưỡng con chung; còn anh H hiện vắng mặt tại nơi cư trú, từ khi anh chị sống ly thân, cháu X và cháu Y vẫn đang ở cùng chị T; xác minh tại địa phương nơi chị T cư trú thì từ khi anh H vắng mặt tại địa phương cháu X và cháu Y đều do chị T nuôi dưỡng và chăm sóc. Để ổn định việc học tập và sinh hoạt của các cháu nên cần giao cho chị T được nuôi dưỡng cháu X, cháu Y cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi là phù hợp với khoản 1 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại khoản 1,3 Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Đỗ Ngọc Quỳnh T, không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về nghĩa vụ chịu án phí: Chị Đỗ Ngọc Quỳnh T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

#### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 56, khoản 1,2 Điều 81, khoản 1,3 Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1,3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa Chị Đỗ Ngọc Quỳnh T và Nguyễn Thành H. Quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh H chấm dứt kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về nuôi con khi ly hôn: Giao Cháu Nguyễn Minh X, sinh ngày 10/12/2009, cháu Nguyễn Minh Y sinh ngày 04/4/2013 cho Chị Đỗ Ngọc Quỳnh T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu X, cháu Y đủ 18 tuổi. Nguyễn Thành H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về nghĩa vụ chịu án phí: Chị Đỗ Ngọc Quỳnh T phải chịu: 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0001359 ngày 04/4/2024 của Chi cục Thi

hành án dân sự huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai. Chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo đối với bản án: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự (2);
- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện Bắc Hà (2);
- CCTHADS huyện Bắc Hà;
- UBND thị trấn B;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký và đóng dấu)**

**Nguyễn Thị Thu Hương**